

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT

Dự án: Đầu tư xây dựng khu đô thị mới Mê Linh tại xã Mê Linh và Văn Khê, huyện Mê Linh (nay là xã Mê Linh), thành phố Hà Nội

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /2026 của Ủy ban nhân dân xã Mê Linh)

Biểu 01: Bảng tính kinh phí bồi thường, hỗ trợ đất nông nghiệp và hoa màu trên đất

TT	Tên chủ sử dụng đất	Thôn	GCN QSD đất			Bản đồ GPMB							Bồi thường tiền đất 155.000đ/m ²	Hoa màu			Hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề, tìm kiếm việc làm 775.000đ/m ²	Thưởng tiền độ bàn giao mặt bằng 10.000đ/m ²	Tổng cộng (đ)	Ghi chú
			Tờ BD	Số thửa	DT được giao (m ²)	Tờ BD	Số thửa	DT hiện trạng (m ²)	DT thu hồi (m ²)	DT được giao (m ²)	DT chênh lệch (m ²)	DT còn lại (m ²)		Hoa màu	Đơn giá (đ)	Thành tiền (đ)				
1	Đàm Văn Thìn	Đông Cao	9.15	43	100	5	112	103,3	95,3	95,3	-	8,0	14.771.500	Hoa hồng chưa thu hoạch	54.400	5.184.320	73.857.500	953.000	94.766.320	
2	Đỗ Văn Chính	Đông Cao	9.7a	53	218	5	126	218,0	218,0	218,0	-	-	33.790.000	Hoa hồng chưa thu hoạch	54.400	11.859.200	168.950.000	2.180.000	216.779.200	
3	Hoàng Quang Hồng	Đông Cao	9.10	2	180	5	31	149,6	131,5	131,5	-	18,1	20.382.500	Hoa hồng chưa thu hoạch	54.400	7.153.600	101.912.500	1.315.000	130.763.600	
4	Hoàng Thế Hùng	Đông Cao	9.7a	39	233	5	96	241,2	241,2	233,0	8,2	-	37.386.000	Hoa hồng chưa thu hoạch	54.400	13.121.280	180.575.000	2.412.000	233.494.280	
5	Hoàng Văn Minh	Đông Cao	9.10	46	209	5	21	224,7	224,7	209,0	15,7	-	34.828.500	Hoa hồng chưa thu hoạch	54.400	12.223.680	161.975.000	2.247.000	211.274.180	
6	Hoàng Văn Nghị	Đông Cao	9.10	14	258	5	9	279,1	96,8	96,8	-	182,3	15.004.000	Hoa hồng chưa thu hoạch	54.400	5.265.920	75.020.000	968.000	96.257.920	
7	Hoàng Văn Nguyên	Đông Cao	9.7a	36	294	5	74	318,8	318,8	294,0	24,8	-	49.414.000	Hoa hồng chưa thu hoạch	54.400	17.342.720	227.850.000	3.188.000	297.794.720	
8	Hoàng Văn Tản	Đông Cao	9.10	57	157	5	51	162,4	162,4	157,0	5,4	-	25.172.000	Hoa hồng chưa thu hoạch	54.400	8.834.560	121.675.000	1.624.000	157.305.560	
9	Hoàng Văn Tản	Đông Cao	9.10	60	259	5	68	275,3	275,3	259,0	16,3	-	42.671.500	Hoa hồng chưa thu hoạch	54.400	14.976.320	200.725.000	2.753.000	261.125.820	
10	Lương Văn Hải	Đông Cao	9.7a	54	173	5	127	173,0	173,0	173,0	-	-	26.815.000	Hoa hồng chưa thu hoạch	54.400	9.411.200	134.075.000	1.730.000	172.031.200	
11	Lương Văn Hùng	Đông Cao	9.7a	31	87	5	79	95,3	95,3	87,0	8,3	-	14.771.500	Hoa hồng chưa thu hoạch	54.400	5.184.320	67.425.000	953.000	88.333.820	
12	Lương Văn Hữu	Đông Cao	9.7a	60	162	5	110	162,0	162,0	162,0	-	-	25.110.000	Hoa hồng chưa thu hoạch	54.400	8.812.800	125.550.000	1.620.000	161.092.800	
13	Lương Văn Kính (Sâm)	Đông Cao	9.7a	55	136	5	128	136,0	136,0	136,0	-	-	21.080.000	Hoa hồng chưa thu hoạch	54.400	7.398.400	105.400.000	1.360.000	135.238.400	
14	Lương Văn Sơn (Oanh)	Đông Cao	9.7a	49	141	5	148	141,0	141,0	141,0	-	-	21.855.000	Hoa hồng chưa thu hoạch	54.400	7.670.400	109.275.000	1.410.000	140.210.400	
15	Lương Văn Chợ (GCN QSD đất là ông Lương Văn Tấn)	Đông Cao	9.7a	7	183	5	35	198,2	22,7	22,7	-	175,5	3.518.500	Hoa hồng chưa thu hoạch	54.400	1.234.880	17.592.500	227.000	22.572.880	
16	Lương Văn Vinh	Đông Cao	9.7a	26	83	5	82	98,5	98,5	83,0	15,5	-	15.267.500	Hoa hồng chưa thu hoạch	54.400	5.358.400	64.325.000	985.000	85.935.900	
17	Nguyễn Đức Chính	Đông Cao	9.7a	28	123	5	104	129,1	129,1	123,0	6,1	-	20.010.500	Hoa hồng chưa thu hoạch	54.400	7.023.040	95.325.000	1.291.000	123.649.540	
18	Nguyễn Duy Dương	Đông Cao	9.10	64	180	5	91	282,0	282,0	180,0	102,0	-	43.710.000	Hoa hồng chưa thu hoạch	54.400	15.340.800	139.500.000	2.820.000	201.370.800	
19	Nguyễn Duy Lùng	Đông Cao	9.10	36	175	5	29	175,0	175,0	175,0	-	-	27.125.000	Hoa hồng chưa thu hoạch	54.400	9.520.000	135.625.000	1.750.000	174.020.000	
20	Nguyễn Duy Tuấn (Lâm)	Đông Cao	9.10	27	91	5	16	92,1	92,1	91,0	1,1	-	14.275.500	Hoa hồng chưa thu hoạch	54.400	5.010.240	70.525.000	921.000	90.731.740	
21	Nguyễn Hữu Mễ	Đông Cao	9.7a	19	170	5	60	171,4	171,4	170,0	1,4	-	26.567.000	Hoa hồng chưa thu hoạch	54.400	9.324.160	131.750.000	1.714.000	169.355.160	
22	Nguyễn Thị Đường	Đông Cao	9.7a	37	127	5	98	129,4	129,4	127,0	2,4	-	20.057.000	Hoa hồng chưa thu hoạch	54.400	7.039.360	98.425.000	1.294.000	126.815.360	
23	Nguyễn Thị Mận	Đông Cao	9.10	49	116	5	52	118,9	118,9	116,0	2,9	-	18.429.500	Hoa hồng chưa thu hoạch	54.400	6.468.160	89.900.000	1.189.000	115.986.660	
24	Nguyễn Thị Mận	Đông Cao	9.10	50	169	5	54	194,5	194,5	169,0	25,5	-	30.147.500	Hoa hồng chưa thu hoạch	54.400	10.580.800	130.975.000	1.945.000	173.648.300	
25	Nguyễn Thị Tâm	Đông Cao	9.7a	33	512	5	125	544,7	544,7	512,0	32,7	-	84.428.500	Hoa hồng chưa thu hoạch	54.400	29.631.680	396.800.000	5.447.000	516.307.180	
26	Nguyễn Văn Bàn (Chính)	Đông Cao	9	17	288	5	149	288,6	218,7	218,7	-	69,9	33.898.500	Hoa hồng chưa thu hoạch	54.400	11.897.280	169.492.500	2.187.000	217.475.280	
27	Nguyễn Văn Kết	Đông Cao	9.10	38	136	5	43	142,4	142,4	136,0	6,4	-	22.072.000	Hoa hồng chưa thu hoạch	54.400	7.746.560	105.400.000	1.424.000	136.642.560	
28	Nguyễn Văn Mến	Đông Cao	9.7a	46	395	5	136	395,2	395,2	395,0	0,2	-	61.256.000	Hoa hồng chưa thu hoạch	54.400	21.498.880	306.125.000	3.952.000	392.831.880	
29	Nguyễn Văn Nguyên	Đông Cao	9.10	9b	102	5	1	172,8	103,7	102,0	1,7	69,1	16.073.500	Hoa hồng chưa thu hoạch	54.400	5.641.280	79.050.000	1.037.000	101.801.780	
30	Nguyễn Văn Nhất	Đông Cao	9.10	38	250	5	11	260,7	260,7	250,0	10,7	-	40.408.500	Hoa hồng chưa thu hoạch	54.400	14.182.080	193.750.000	2.607.000	250.947.580	
31	Nguyễn Văn Nhất	Đông Cao	9.10	20	225	5	42	229,3	229,3	225,0	4,3	-	35.541.500	Hoa hồng chưa thu hoạch	54.400	12.473.920	174.375.000	2.293.000	224.683.420	
32	Nguyễn Văn Thắng (Chuyên)	Đông Cao	9.7a	15	166	5	46	170,4	170,4	166,0	4,4	-	26.412.000	Hoa hồng chưa thu hoạch	54.400	9.269.760	128.650.000	1.704.000	166.035.760	
33	Nguyễn Văn Thuận	Đông Cao	9.10	29	134	5	7	136,4	136,4	134,0	2,4	-	21.142.000	Hoa hồng chưa thu hoạch	54.400	7.420.160	103.850.000	1.364.000	133.776.160	
34	Nguyễn Văn Vê	Đông Cao	9.10	12	190	5	18	184,3	6,1	6,1	-	178,2	945.500	Hoa hồng chưa thu hoạch	54.400	331.840	4.727.500	61.000	6.065.840	
35	Nguyễn Văn Xuất	Đông Cao	9.15	51	230	5	141	234,2	216,6	216,6	-	17,6	33.573.000	Hoa hồng chưa thu hoạch	54.400	11.783.040	167.865.000	2.166.000	215.387.040	
36	Phạm Văn Sắc	Đông Cao	9.10	88	233	5	70	246,9	246,9	233,0	13,9	-	38.269.500	Hoa hồng chưa thu hoạch	54.400	13.431.360	180.575.000	2.469.000	234.744.860	
37	Phạm Văn Trọng	Đông Cao	9.10	62	170	5	94	179,7	179,7	170,0	9,7	-	27.853.500	Hoa hồng chưa thu hoạch	54.400	9.775.680	131.750.000	1.797.000	171.176.180	
38	Vô Văn Đường	Đông Cao	9.7a	6	132	5	34	139,4	15,0	15,0	-	124,4	2.325.000	Hoa hồng chưa thu hoạch	54.400	816.000	11.625.000	150.000	14.916.000	
39	Vô Văn Hiên	Đông Cao	9.7a	66	198	5	66	217,5	15,2	15,2	-	202,3	2.356.000	Hoa hồng chưa thu hoạch	54.400	826.880	11.780.000	152.000	15.114.880	
40	Vô Văn Khải	Đông Cao	9.7a	23	171	5	78	179,4	179,4	171,0	8,4	-	27.807.000	Hoa hồng chưa thu hoạch	54.400	9.759.360	132.525.000	1.794.000	171.885.360	
41	Vô Văn Tự (đã chết) đồng quyền sử dụng gồm: Vô Văn Nền, Vô Văn Chí, Vô Thị Bằng, Vô Thị Đạt,	Đông Cao	9.7a	44	145	5	124	145,2	145,2	145,0	0,2	-	22.506.000	Hoa hồng chưa thu hoạch	54.400	7.898.880	112.375.000	1.452.000	144.231.880	
42	Vô Văn Ưu	Đông Cao	9.7a	27	182	5	83	188,8	188,8	182,0	6,8	-	29.264.000	Hoa hồng chưa thu hoạch	54.400	10.270.720	141.050.000	1.888.000	182.472.720	
43	Vô Văn Vui	Đông Cao	9.7	64	156	5	87	156,0	156,0	156,0	-	-	24.180.000	Hoa hồng chưa thu hoạch	54.400	8.486.400	120.900.000	1.560.000	155.126.400	
44	Vũ Thị Tiếp	Đông Cao	9.7a	51	184	5	138	184,0	184,0	184,0	-	-	28.520.000	Hoa hồng chưa thu hoạch	54.400	10.009.600	142.600.000	1.840.000	182.969.600	
45	Lương Văn Hoàn	Đông Cao	9.7a	25	400	5	62	435,4	435,4	400,0	35,4	-	67.487.000	Hoa hồng chưa thu hoạch	54.400	23.685.760	310.000.000	4.354.000	405.526.760	
46	Vô Văn Dương	Đông Cao	9.7a	12	216	5	64	221,4	221,4	216,0	5,4	-	34.317.000	Hoa hồng chưa thu hoạch	54.400	12.044.160	167.400.000	2.214.000	215.975.160	
Tổng cộng					8.839,0			9.321,5	8.276,1	7.897,9	378,2	1.045,4	1.282.795.500			450.219.840	6.120.872.500	82.761.000	7.936.648.840	